TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 4 - 2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chung;

2. Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 876/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Minh M** - sinh năm 1962
Địa chỉ: Thôn G - xã A - thị xã N - Khánh Hòa.

Có đơn xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị V** - sinh năm 1976
Địa chỉ: Thôn G - xã A - thị xã N - Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn ông Nguyễn Minh M trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị V tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau từ năm 2001 nhưng đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã N. Thời gian đầu vợ chồng sống có hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Bà V thường xuyên vắng nhà nên thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm, chăm sóc chồng con. Mặc dù ông đã cố gắng chịu đựng nhưng bà V vẫn không khắc phục nên vợ chồng không thể hòa hợp được và không có hạnh phúc. Ông và bà V không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Ông

M xác định không còn tình cảm, vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với bà V. Vợ chồng ông có 03 con chung là Nguyễn Hoàng Minh T– sinh ngày 11/12/2002, Nguyễn Hoàng Kim N – sinh ngày 04/11/2006 và Nguyễn Bùi Minh S – sinh ngày 18/3/2012. Con chung Nguyễn Hoàng Minh T đã trưởng thành, khỏe mạnh nên ông M không có yêu cầu gì; ông M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con chung Nguyễn Hoàng Kim N và Nguyễn Bùi Minh S, không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng nguyên đơn đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn bà V không chấp hành theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Minh M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M. Bị đơn bà Nguyễn Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lí do nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà V theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân của ông M và bà V đã mâu thuẫn trầm trọng nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ông M được ly hôn bà V theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Nguyễn Hoàng Minh T – sinh ngày 11/12/2002 đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét. Đề nghị giao 02 con chung Nguyễn Hoàng Kim N – sinh ngày 04/11/2006 và Nguyễn Bùi Minh S – sinh ngày 18/3/2012 cho ông Nguyễn Minh M trực tiếp trông nom, chăm sóc. Giáo dục và nuôi dưỡng. Ông M không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông M xác định không có nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Ông M thuộc trường hợp được miễn nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Minh M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông M. Bị đơn bà Nguyễn Thị V đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng

xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà V.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa ông Nguyễn Minh M và bà Nguyễn Thị V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh M và bà Nguyễn Thị V tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã N *(giấy chứng nhận kết hôn số 80, ngày 18/7/2007)* đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau giữa ông M và bà V đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài không được khắc phục, làm ảnh hưởng lớn đến tình cảm dẫn đến ông M không còn chung sống với bà V và yêu cầu ly hôn. Đối với bà Nguyễn Thị V mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà không đến Tòa nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được, qua đó cũng chứng minh được bà V không còn tình cảm với ông M và không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông M và bà V đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông M là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về con chung: Ông M và bà V có 03 con chung là Nguyễn Hoàng Minh T – sinh ngày 11/12/2002, Nguyễn Hoàng Kim N – sinh ngày 04/11/2006 và Nguyễn Bùi Minh S – sinh ngày 18/3/2012. Con chung Nguyễn Hoàng Minh T đã trưởng thành, khỏe mạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông M là người đang trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Hoàng Kim N, Nguyễn Bùi Minh S và ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung; nguyện vọng của các con chung muốn được sống cùng cha. Xét yêu cầu của ông M phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông M không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông M xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông M thuộc trường hợp được miễn nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ông Nguyễn Minh M được ly hôn bà Nguyễn Thị V.

2. Về con chung: Nguyễn Hoàng Minh T – sinh ngày 11/12/2002 đã trưởng thành, khỏe mạnh.

Ông Nguyễn Minh M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Hoàng Kim N – sinh ngày 04/11/2006 và Nguyễn Bùi Minh S – sinh ngày 18/3/2012. Ông M không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Minh M thuộc trường hợp được miễn nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ái Vy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã A;
(nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.